TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2025/HC-PT
Ngày 18 tháng 9 năm 2025
"V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1186/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 12 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 500/2024/HC-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 996/2025/QĐPT-HC ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1961 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 36A, Tổ 2, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số 36A, Tổ 73, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phương Văn Thêm, Trưởng Văn phòng luật sư Phương Gia thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

2. Người bị kiện:

2.1. Uỷ ban nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;

2.2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Uỷ ban nhân dân huyện Nhà Bè và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Nhà Bè: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt;

2.3. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt;

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị O và người đại điện hợp pháp của bà trình bày:

Phần đất bà O bị thu hồi trong Dự án tạo quỹ đất đô thị cho Thành phố theo Quyết định số 2272/QĐ-UB ngày 18/6/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh là 5.213 m^2. Căn cứ Phương án giá đền bù số 377/PAĐB, ngày 09/12/1999, UBND huyện Nhà Bè lập biên bản hiệp thương đối với bà O, theo đó, bồi thường cho bà O đơn giá 25.000 đồng/1m^2 đất gò trồng cây hàng năm, 65.000 đồng/1m^2 đất trồng cây lâu năm, bồi thường nhà lá diện tích 56,96 m^2 số tiền 3.417.000 đồng. Tổng số tiền bà Oanh được bồi thường là 158.362.000 đồng.

Bà O không đồng ý nên yêu cầu xem xét hoán đổi cho bà hai nền nhà. Ngày 22/4/2003, UBND huyện Nhà Bè ban hành Quyết định số 179/QĐ-UB về việc giải quyết đền bù công trình đường nối từ đường Bình Thuận đến Khu công nghiệp Hiệp Phước, không chấp nhận yêu cầu của bà O.

Sau đó, bà O khiếu nại yêu cầu tăng giá đền bù đối với phần diện tích đất bị thu hồi là 5.213 m^2. Ngày 09/9/2004, UBND huyện Nhà Bè ban hành Quyết định số 202/QĐ-UB thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 179/QĐ-UB ngày 22/4/2003 của UBND huyện Nhà Bè, đồng thời, ban hành Thông báo số 216/TB-UB trả lời đơn khiếu nại của bà O với nội dung: Không có cơ sở xem xét yêu cầu tăng giá đền bù của bà O.

Ngày 09/11/2004, bà O có đơn khiếu nại Thông báo số 216/TB-UB ngày 09/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện Nhà Bè. Ngày 22/3/2006, Chủ tịch UBND huyện Nhà Bè ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần

đầu cho bà O, bác đơn khiếu nại của bà O yêu cầu tăng giá bồi thường đối với phần diện tích đất bị thu hồi là 5.213 m^2.

Bà O không đồng ý nên tiếp tục khiếu nại. Ngày 16/10/2019, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4454/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai cho bà O với nội dung: Công nhận và giữ nguyên nội dung của Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 22/3/2006 của Chủ tịch UBND huyện Nhà Bè về việc giải quyết khiếu nại lần đầu cho bà Nguyễn Thị O.

Ngày 14/8/2008, UBND huyện Nhà Bè ban hành Quyết định số 741/QĐ-UBND về hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị O, theo đó, bổ sung cho bà O được mua căn hộ chung cư trên địa bàn xã Phước Kiển theo giá thành xây dựng.

Bà O không đồng ý nên khiếu nại Quyết định số 741/QĐ-UBND. Ngày 01/9/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ban hành Quyết định 36/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị O với nội dung giữ nguyên Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 01/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè.

Bà O cho rằng các quyết định nêu trên được ban hành không hợp pháp, không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi hợp pháp của bà, do đó, bà O khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 14/QĐ-UBND ngày 22/03/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè.

2. Hủy Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 14/8/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị O;

3. Hủy Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 01/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị O.

4. Hủy Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị O.

Bà O đồng ý với đơn giá bồi thường là đất nông nghiệp nhưng yêu cầu được bồi thường đất theo giá thị trường tại thời điểm có quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè vì hiện tại chưa có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật hiện hành. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè thực hiện việc ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường cá nhân cho gia đình bà O theo đúng quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra, bà O đề nghị Tòa án xem xét các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện.

Tại Văn bản số 1480/UBND ngày 10/8/2022 của người bị kiện Ủy ban nhân huyện Nhà Bè, Chủ tịch Ủy ban nhân huyện Nhà Bè trình bày:

Bà O có diện tích bị ảnh hưởng trong dự án 5.213 m^2 thuộc một phần thửa 1227 = 3.963 m^2, thửa 1228 = 1.250 m^2, tờ bản đồ số 02 (theo tài liệu 02/CT-UB), xã Phước Kiển. Trên đất của bà O có căn nhà lá kết cấu: Mái lá, cột gỗ, nền đất, không vách, diện tích 56,96 m^2.

Căn cứ vào Phương án đền bù số 377/PAĐB ngày 04/11/1999, ngày 09/12/1999 Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè có Biên bản hiệp thương đền bù đối với bà Nguyễn Thị O với đơn giá đất nông nghiệp (trồng cây hàng năm) là 25.000 đồng/m^2, đơn giá đất gò (trồng cây lâu năm) là 65.000 đồng/m^2, tổng số tiền đền bù là 158.362.000 đồng. (trong đó có bồi thường nhà lá, diện tích 56,96 m^2 với số tiền 3.417.000 đồng).

Ngày 14 tháng 8 năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ban hành Quyết định số 741/QĐ-UBND về hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị O được mua 01 căn hộ chung cư trên địa bàn xã Phước Kiển theo giá thành xây dựng (theo chính sách tại Văn bản số 943/UBND-ĐTMT ngày 13 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

Bà O không đồng ý với việc bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, bà O khiếu nại yêu cầu tăng giá tiền đền bù. Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè đã kiểm tra, rà soát hồ sơ bồi thường, pháp lý và Phương án bồi thường của dự án để giải quyết cho bà Nguyễn Thị O. Căn cứ quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè đã ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2006 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị O là phù hợp quy định. Do đó việc bà Nguyễn Thị O yêu cầu hủy Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2006; Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 14/8/2008 và Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 01/9/2009 là không có cơ sở xem xét giải quyết. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố giải quyết vụ án theo quy định.

Tại Văn bản số 796/UBND ngày 31/3/2022 và Văn bản số 4660/UBND ngày 19/9/2023 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Nguồn gốc, quá trình sử dụng của bà Nguyễn Thị O:

- Theo trích sao tài liệu Chỉ thị 299/TTg, phần đất mà bà O khiếu nại thuộc một phần của thửa số 481 (diện tích 11.025m²), tờ bản đồ số 2, loại đất mùa; theo trích sao tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB, phần đất mà bà O khiếu nại thuộc thửa số 1227 và 1228, tờ bản đồ số 2, loại đất mùa, Bộ địa chính xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.

- Theo Biên bản hiệp thương đền bù ngày 09 tháng 12 năm 1999, Biên bản kiểm kê thiệt hại tài sản ngày 09 tháng 12 năm 1999 và Sơ đồ đo đạc ruộng đất đền bù giải tỏa ngày 09 tháng 5 năm 2001 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Biên bản kiểm tra thực tế việc sử dụng đất ngày 22 tháng 8 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển, Sơ đồ đo đạc ruộng đất và Sơ đồ đo đạc nhà xưởng và các vật kiến trúc khác ngày 14 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, phần đất mà bà O khiếu nại bị ảnh hưởng trong Dự án tạo quỹ đất đô thị cho Thành phố dọc tuyến đường Nguyễn Hữu Thọ, huyện Nhà Bè có tổng diện tích 5.213 m² gồm 3.963 m², loại đất mùa, thửa số 1227 (trong đó có 3.717 m² hiện trạng đất lúa; 246 m² hiện trạng là đất gò, cụ thể gồm 126 m² đất gò 120 m² đất bờ liếp và 1.250 m², loại đất mùa, thửa số 1228, tờ bản đồ số 2 theo tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB, hiện trạng đất lúa; trên đất có công trình nhà lá (diện tích 56,96 m²) cấu trúc mái lá, nền đất, không vách trên phần đất gò thuộc thửa số 1227 (diện tích 126 m²/3.963 m²), phần đất còn lại canh tác cây trồng, hoa màu (dừa gáo, mãng cầu, bình bát, rau muống, dừa nước).

- Theo Biên bản làm việc ngày 22 tháng 5 năm 2001 và ngày 19 tháng 9 năm 2002 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, bà O không đồng ý với giá đền bù do giá đền bù quá thấp. Năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè gửi số tiền bồi thường, hỗ trợ của bà O 157.362.000 đồng (không tính 1.000.000 đồng tiền thưởng) tại ngân hàng.

- Theo Văn bản số 113/CV-UB ngày 13 tháng 12 năm 2004 và Văn bản số 26/BC-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển, phần đất của bà O bị ảnh hưởng bởi Dự án tạo quỹ đất đô thị cho Thành phố dọc tuyến đường Nguyễn Hữu Thọ, huyện Nhà Bè có tổng diện tích 5.213 m², gồm 3.963 m² đất thuộc thửa số 1227 và 1.250 m² đất thuộc thửa số 1228, loại đất mùa, tờ bản đồ số 2, Bộ địa chính xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè; bà Oanh sử dụng đất ổn định, không tranh chấp; đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó thửa số 1227 do ông Nguyễn Văn H (cha của bà O) cho bà O và thửa số 1228 do bà O nhận chuyển nhượng bằng giấy tay của bà Nguyễn Thị B vào năm 1994.

- Theo Biên bản kiểm tra, xác minh hiện trạng ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Thanh tra Thành phố, hiện trạng tại phần đất bị ảnh hưởng Dự án của bà O là đất trống, đã được Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long san lấp để thực hiện Dự án.

Như vậy, phần đất của bà Nguyễn Thị O bị ảnh hưởng bởi Dự án tạo quỹ đất đô thị cho Thành phố dọc tuyến đường Nguyễn Hữu Thọ, huyện Nhà Bè có tổng diện tích 5.213 m² gồm 3.963 m², loại đất mùa, thửa số 1227 (trong đó có 3.717 m² hiện trạng đất lúa; 246 m² hiện trạng là đất gò, cụ thể gồm 126 m² đất

gò và 120 m² đất bờ liếp) và 1.250 m², loại đất mùa, thửa số 1228, tờ bản đồ số 2 theo tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB, hiện trạng đất lúa; tương ứng một phần của thửa đất số 481 (diện tích 11.025 m²), tờ bản đồ số 2, loại đất mùa theo Tài liệu 299/TTg; có nguồn gốc do cha của bà O là ông Nguyễn Văn H khai hoang từ trước năm 1975 rồi cho lại bà O (đối với thửa số 1227) và bà O nhận chuyển nhượng năm 1994 (đối với thửa số 1228); gia đình bà O sử dụng đất để phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp ổn định, không tranh chấp cho đến thời điểm kiểm kê năm 1999 trên đất có một số cây trồng, hoa màu và công trình nhà lá tạo lập trước thời điểm kiểm kê; bà O chưa được công nhận quyền sử dụng đất; diện tích giải tỏa là toàn bộ đất, hiện trạng là đất trống, đã san lấp để thực hiện Dự án.

* Việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà Nguyễn Thị O:

Thực hiện Biên bản hiệp thương đền bù ngày 09 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, do bà Nguyễn Thị O không nhận tiền đền bù nên Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Nhà Bè gửi số tiền đền bù của bà O là 157.362.000 đồng (không bao gồm tiền thưởng 1.000.000 đồng) vào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Nam Sài Gòn từ năm 2003.

Thực hiện Văn bản số 943/UBND-ĐTMT ngày 13 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè có Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2008 về hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị O, theo đó bà O được mua 01 căn hộ chung cư trên địa bàn xã Phước Kiển theo giá thành xây dựng.

Kết quả việc xác minh nguồn gốc và mục đích sử dụng đất (thửa số 1227) của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè và Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển sau buổi đối thoại:

Theo Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển liên quan việc lấy ý kiến dân cư về mục đích sử dụng nhà, đất của bà Nguyễn Thị O, tổng hợp ý kiến của người dân (trong đó có những người sinh sống gần khu vực biết được việc quản lý sử dụng nhà, đất của gia đình bà O do ông Nguyễn Văn H – cha của bà O cung cấp danh sách) như sau:

"...ông H và bà O có chăn nuôi, canh tác, tạo lập một cái chòi nhỏ để đi lại chăn nuôi, trồng trọt trên thửa đất số 1227, tờ bản đồ số 2 và một cái nhà lớn khoảng 100 m² để ở, chăn nuôi trên thửa đất số 1229, tờ bản đồ số 2 (vị trí khác với thửa đất số 1227)".

Như vậy, vào thời điểm thu hồi đất thực hiện Dự án, có một công trình kết cấu mái lá, nền đất, không vách, diện tích 56,96 m² trên thửa đất số 1227, tờ bản đồ số 2 (theo Tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB) được bà O sử dụng vào mục đích đi lại để chăn nuôi, trồng trọt; bà O và ông H ở tại nơi khác.

Về căn cứ pháp luật có liên quan để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị O:

* Đối với khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần đất diện tích 5.213 m² bị ảnh hưởng tại Dự án với đơn giá thị trường tại thời điểm năm 2019 của bà Nguyễn Thị O:

- Căn cứ Luật Đất đai năm 1993 quy định như sau:

"+ Khoản 2 Điều 3: Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất.

Các quyền nói trên chỉ được thực hiện trong thời hạn giao đất và đúng mục đích sử dụng của đất được giao theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật.

+ Điều 12: Nhà nước xác định giá các loại đất để tính thuế chuyển quyền sử dụng đất, thu tiền khi giao đất hoặc cho thuê đất, tính giá trị tài sản khi giao đất, bồi thường thiệt hại về đất khi thu hồi đất. Chính phủ quy định khung giá các loại đất đối với từng vùng và theo từng thời gian.

+ Điều 27: Trong trường hợp thật cần thiết, Nhà nước thu hồi đất đang sử dụng của người sử dụng đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì người bị thu hồi đất được đền bù thiệt hại";

- Căn cứ Điều 5 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 của Chính phủ quy định nguyên tắc đền bù thiệt hại về đất:

"Khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào các mục đích quy định tại Điều 1 của Nghị định này, tùy từng trường hợp cụ thể, người có đất bị thu hồi được đền bù bằng tiền, nhà ở hoặc bằng đất";

- Căn cứ Mục IV Phương án giá số 377/PAĐB ngày 04 tháng 11 năm 1999 của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông công chánh quy định về đền bù, trợ cấp thiệt hại đất nông nghiệp (được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận tại Văn bản số 5279/UB-ĐB ngày 16 tháng 12 năm 1999):

"Người đang sử dụng đất nông nghiệp hợp pháp, hợp lệ (có một trong các điều kiện quy định tại Điều 6 của Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 của Chính phủ) thì được đền bù thiệt hại chủ yếu bằng tiền.

1/ Đối với đất trồng cây hàng năm: ... mức giá đền bù là 25.000 đồng/m².

2/ Đối với đất trồng cây lâu năm (có nguồn gốc là đất ruộng đã cải tạo, bồi đắp thành vườn): ... mức giá đền bù là 65.000 đồng/m²;

- Căn cứ khoản 2 Điều 50 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ:

"Đối với những dự án, hạng mục đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định của Nghị định này";

- Căn cứ khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về xử lý một số vấn đề phát sinh khi ban hành Nghị định:

"Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt";

- Căn cứ khoản 1 Điều 15 Quyết định số 31/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về hiệu lực của phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư:

"Thời hạn áp dụng phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của các dự án không quá 12 tháng kể từ ngày phương án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (trừ các dự án có tính chất đặc biệt, quy mô lớn thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố)";

Xét thấy: phần đất của bà Nguyễn Thị O bị ảnh hưởng bởi Dự án có tổng diện tích 5.213 m² gồm 3.963 m², loại đất mùa, thửa số 1227 (trong đó có 3.717 m² hiện trạng đất lúa; 246 m² hiện trạng là đất gò, cụ thể gồm 126 m² đất gò, 120 m² đất bờ liếp và 1.250 m² loại đất mùa, thửa số 1228, tờ bản đồ số 2 theo tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB, hiện trạng đất lúa; tương ứng một phần của thửa đất số 481 (diện tích 11.025 m²), tờ bản đồ số 2, loại đất mùa theo tài liệu Chỉ thị 299/TTg; có nguồn gốc do cha của bà O là ông Nguyễn Văn H khai khẩn từ trước năm 1975 rồi giao cho lại bà O (đối với thửa số 1227) và một phần là do bà O nhận chuyển nhượng năm 1994 (đối với thửa số 1228); gia đình bà O sử dụng đất để phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp ổn định, không tranh chấp cho đến thời điểm kiểm kê năm 1999; chưa được công nhận quyền sử dụng đất;

Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè xác định loại đất theo hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm kiểm kê và đền bù tại Biên bản hiệp thương đền bù ngày 09 tháng 12 năm 1999 là phù hợp quy định về đơn giá tại Phương án của Dự án. Cụ thể là thửa số 1227 có 3.717 m² đất mùa (đất lúa) và 246 m² đất gò và thửa số 1228 có 1.250 m², loại đất mùa (đất lúa) nên phần đất mùa có tổng diện tích là 4.967 m² (3.717 m² + 1.250 m²) được xác định là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm và đền bù với đơn giá 25.000 đồng/m², phần đất gò diện tích 246 m² được xác định là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và đền bù với đơn giá 65.000 đồng/m².

Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè tiếp tục có Biên bản làm việc ngày 22 tháng 5 năm 2001, ngày 19 tháng 9 năm 2002 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, bà O không đồng ý với giá đền bù lý do giá đền bù quá thấp nên năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè gửi số tiền bồi thường, hỗ trợ của bà O 157.362.000 đồng (không bao gồm 1.000.000 đồng tiền thưởng) tại ngân hàng cho đến nay.

Do đó, đối chiếu với cơ sở pháp lý nêu ở trên thì nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần đất diện tích 5.213 m² bị ảnh hưởng tại Dự án với đơn giá thị trường tại thời điểm năm 2019 của bà O, là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, thực hiện Công văn số 943/UBND-ĐTMT ngày 13 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố, ngày 14 tháng 8 năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè có Quyết định số 741/QĐ-UBND về hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị O được mua 01 căn hộ chung cư trên địa bàn xã Phước Kiển theo giá thành xây dựng.

Đối với khiếu nại yêu cầu bồi thường đất ở theo hạn mức đất ở đối với thửa số 1227:

- Căn cứ Luật Đất đai năm 1993 quy định như sau:

+ Điều 42: Đất nông nghiệp là đất được xác định chủ yếu để sử dụng vào sản xuất nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản hoặc nghiên cứu thí nghiệm về nông nghiệp.

+ Điều 52: Đất ở của mỗi hộ gia đình nông thôn bao gồm đất để làm nhà ở và các công trình phục vụ cho đời sống của gia đình";

- Căn cứ khoản 2 Điều 50 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ:

"Đối với những dự án, hạng mục đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường,

hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định của Nghị định này";

- Căn cứ khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về xử lý một số vấn đề phát sinh khi ban hành Nghị định:

"Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt";

Theo trích sao tài liệu Chỉ thị 299/TTg và trích sao tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB, phần đất mà bà O đang khiếu nại là loại đất mùa. Theo Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển liên quan việc lấy ý kiến dân cư về mục đích sử dụng nhà, đất của bà Nguyễn Thị O, công trình kết cấu mái lá, nền đất, không vách, diện tích 56,96 m² của bà O có mục đích sử dụng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (đi lại để chăn nuôi và trồng trọt), bà O và ông H ở tại nơi khác.

Xét phần đất của bà Nguyễn Thị O bị ảnh hưởng bởi Dự án có diện tích 3.963 m², loại đất mùa, thửa số 1227 (trong đó có 3.717 m² hiện trạng là đất lúa; 246 m² hiện trạng là đất gò, cụ thể gồm 126 m² đất gò và 120 m² đất bờ liếp); gia đình bà O sử dụng đất để phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp ổn định, không tranh chấp cho đến thời điểm kiểm kê năm 1999; trên đất công trình kết cấu mái lá, nền đất, không vách, diện tích 56,96 m^2 của bà O có mục đích sử dụng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, không phải để làm nhà ở và các công trình phục vụ cho đời sống của gia đình bà O nên phần đất diện tích 3.963 m² thuộc thửa số 1227 được xác định theo đất nông nghiệp là phù hợp quy định. Việc bà O khiếu nại yêu cầu bồi thường loại đất ở theo hạn mức đất ở đối với thửa số 1227, là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Trên cơ sở Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè và Báo cáo số 399/BC-TTTP ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chánh Thanh tra Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị O (lần hai) với nội dung:

"- Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị O về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần đất diện tích 5.213 m² bị ảnh hưởng tại Dự án với đơn giá thị trường tại thời điểm năm 2019 và yêu cầu bồi thường đất ở theo hạn mức đất ở đối với thửa đất số 1227, tờ bản đồ số 2 (theo Tài liệu Chỉ thị 02/CT- UB).

- Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị O."

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ, nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với phần nhà, đất bị ảnh hưởng Dự án của bà Nguyễn Thị O và căn cứ các quy định pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố nhận thấy kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, là đúng quy định pháp luật qua các thời kỳ áp dụng. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Thành phố xét xử theo hướng giữ nguyên nội dung giải quyết tại Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị O.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 500/2024/HC-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157, Điều 158; Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất đai năm 1993; Luật Đất đai năm 2003; Luật Khiếu nại năm 1998; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; Thông tư số 145/1998/TT-BTC ngày 04/11/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc:

- Hủy Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 22/03/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị O;

- Hủy Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 14/8/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị O;

- Hủy Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 01/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị O;

- Hủy Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Nguyễn Thị O;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2024, bà Nguyễn Thị O có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị O đề nghị xem xét: Theo Sơ đồ đo đạc ruộng đất ngày 14/4/2003 thì tổng diện tích gia đình bà O bị thu hồi là 5.395,96 m^2, trong đó: Đất gò 126 m^2, nền đất nhà lá 56,96 m^2, đất ruộng (3.963 m^2 + 1.250 m^2) = 5.213 m^2. Theo Quyết định số 11 và Quyết định số 4454 thì bà O bị thu hồi diện tích chỉ có 5.213 m^2, còn lại 182,96 m^2 chưa được giải quyết; Theo Văn bản số 215/PC ngày 30/5/2005 của Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh thì giá bán đất cho công ty là 1.155.000 đồng/m^2 nhưng người dân phải mua nền tái định cư là 6.000.000 đồng/m^2 trong khi bồi thường cho dân chỉ có 25.000 đồng/m^2 và 65.000 đồng/m^2. Có 07 hộ bị bỏ sót, nay họ được bồi thường giá đất gấp 14 lần so với giá đất bồi thường cho bà O, Công văn số 20/UBND ngày 04/01/2008 của Uỷ ban nhân dân huyện Nhà Bè và Công văn số 943/UBND-ĐTMT ngày 13/02/2008 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung chấp thuận bồi thường theo giá thị trường cho 07 hộ dân và không được để so bì, phát sinh khiếu nại đối với các hộ dân trong cùng dự án; Phương án bồi thường số 377 không do Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng lập là sai quy định tại Điều 32 Nghị định 22/CP, Phương án 377 cũng chưa được Uỷ ban nhân dân Thành phố phê duyệt, Phương án 377 lấy giá cho trục đường 34 và 39 nhưng lại bồi thường cho đường Nguyễn Hữu Thọ là không đúng; Hệ số K cũng không đúng; Cho đến nay đã trên 20 năm nhưng vẫn chưa có dự án tái định cư nên việc hỗ trợ cho dân được mua căn hộ tái định cư là không thực hiện được. Việc thu hồi đất nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất cũng là không đúng quy định tại Điều 21 Luật đất đai năm 1993. Vì vậy, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O hoặc huỷ Bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Bà Nguyễn Thị O giữ nguyên kháng cáo, thống nhất ý kiến của luật sư, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà hoặc huỷ Bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị O đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; Các đương sự vắng mặt đều không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, nên theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Bà Nguyễn Thị O khởi kiện Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa quá 01 năm kể từ ngày nhận được quyết định bị khởi kiện. Quyết định số 14, Quyết định số 741, Quyết định số 36 đều là quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Quyết định số 741 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Điều 42, Điều 43 Luật đất đai năm 2003.

Quyết định số 14, Quyết định số 36 và Quyết định số 4454 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Điều 20 và Điều 23 Luật Khiếu nại năm 1998;

[4] Về nội dung:

[4.1] Đối với yêu cầu được bồi thường đất theo giá thị trường tại thời điểm có quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè.

- Về nguồn gốc đất: Phần đất của bà O bị ảnh hưởng trong Dự án tạo quỹ đất đô thị cho Thành phố có tổng diện tích là 5.213 m^2 gồm 3.963 m^2 loại đất mùa, thửa số 1227 (trong đó có 3.717 m^2 hiện trạng là đất lúa, 246 m^2 hiện trạng là đất gò và đất bờ liếp); thửa 1228 là 1.250 m^2, tờ bản đồ số 02 (theo Tài liệu 02/CT-UB), tương ứng một phần thửa đất số 481, tờ bản đồ số 02 (theo Tài liệu 299/TTg). Trên đất của bà O có căn nhà lá kết cấu: Mái lá, cột gỗ, nền đất, không vách, diện tích 56,96 m^2.

Thửa 1227 có nguồn gốc do cụ Nguyễn Văn H là cha của bà O khai hoang từ năm 1975, sau đó cho lại bà O sử dụng. Thửa 1228 do bà O nhận chuyển nhượng từ năm 1994. Toàn bộ phần đất này do gia đình bà O sử dụng ổn định, không tranh chấp. Đến thời điểm thu hồi, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo sơ đồ đo đạc ruộng đất đền bù giải tỏa ngày 09/5/2001 thể hiện trạng thửa số 1227 là 3.717 m^2 và thửa số 1228 là 1.250 m^2 là đất lúa, riêng phần diện tích 246 m^2 là đất gò và đất bờ liếp.

Như vậy, toàn bộ phần diện tích đất là 5.213 m^2 có thửa số 1227 là 3.717 m^2 và thửa số 1228 là 1.250 m^2 hiện trạng là đất lúa, riêng phần diện tích 246 m^2 hiện trạng là đất gò và đất bờ liếp. Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè lập Biên bản hiệp thương đền bù cho bà O diện tích 4.967 m^2 theo giá đất nông nghiệp (trồng cây hàng năm) là 25.000 đồng/m^2, đơn giá đất gò (trồng cây lâu năm) diện tích 246 m^2 là 65.000 đồng/m^2 và ban hành Quyết định số 741/QĐ-UBND về hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị O, theo đó, bổ sung cho bà O được mua căn hộ chung cư trên địa bàn xã Phước Kiển theo giá thành xây dựng là đúng quy định tại Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ, Thông tư số 145/1998/TT-BTC ngày 04/11/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ và khoản 1, khoản 2 Mục IV Phương án đền bù số 377/PAĐB ngày 04/11/1999.

- Về việc thực hiện bồi thường cho bà O:

Phương án đền bù số 377/PAĐB ngày 04/11/1999, được chấp thuận vào tháng 12/1999. Ngày 18/6/2003, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2272/QĐ-UB thu hồi đất, trong đó có phần đất 5.213 m^2 của bà O. UBND huyện Nhà Bè đã tổ chức hai lần hiệp thương đền bù cho bà O, lần thứ nhất vào ngày 09/12/1999, lần thứ hai vào ngày 19/9/2002. Sau hai lần hiệp thương này, bà O không đồng ý với đơn giá bồi thường nên thực hiện khiếu nại. UBND huyện Nhà Bè đã gửi tiền của bà O vào ngân hàng từ năm 2003, có phát sinh lãi. Như vậy, việc bồi thường và thu hồi đất của bà O đều thực hiện theo Luật Đất đai năm 1993.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè đã thực hiện bồi thường xong cho bà O theo quy định của Luật Đất đai năm 1993.

Thực hiện Công văn số 943/UBND-ĐTMT ngày 13/02/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, UBND huyện Nhà Bè ban hành Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 14/8/2008 hỗ trợ cho bà O được mua căn hộ chung cư trên địa bà xã Phước Kiển theo giá thành xây dựng. Hiện nay vẫn chưa xác định được thời điểm bàn giao căn hộ cho bà O nhưng đây không phải là việc chậm bồi thường, nên không có cơ sở để áp dụng điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ và khoản 4 Điều 39 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ để xem xét giá tại thời điểm thu hồi đất hoặc tại thời điểm chi trả tiền bồi thường.

[4.2] Về yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ban hành quyết định thu hồi

đất cho gia đình bà O theo đúng quy định của Luật đất đai.

Theo Công văn số 361/BTNMT - ĐĐ ngày 30/01/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước Luật Đất đai năm 2003 thì Ủy ban nhân dân cấp huyện không phải ban hành quyết định thu hồi đối với từng thửa đất do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng.

Đối với dự án này, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2272/QĐ-UB ngày 18/6/2003 về việc thu hồi đất dọc đường Nguyễn Hữu Thọ thuộc huyện Nhà Bè để tạo quỹ đất đô thị cho thành phố (trước Luật Đất đai năm 2003) nên Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè không phải ban hành quyết định thu hồi đối với từng thửa đất do bà O đang sử dụng. Bà O yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè thực hiện việc ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường cá nhân cho gia đình bà O là không có cơ sở xem xét.

[4.3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Việc phê duyệt Phương án số 377/PA ngày 04/11/1999 sai về hình thức; Hội đồng bồi thường thành lập trước khi có quyết định thu hồi đất là không thực hiện đúng theo Nghị định số 22/1998/NĐ-CP của Chính phủ; UBND huyện Nhà Bè bồi thường đất cho bà O còn bị thiếu trong dự án là 182,96 m^2; 07 hộ dân còn sót lại trong dự án được lập hồ sơ bồi thường với giá cao hơn giá đất của bà O là không hợp lý; phần đất ở của bà O là 56,96 m^2 không được UBND huyện Nhà Bè bồi thường là chưa xem xét thỏa đáng cho bà O.

Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè áp dụng đơn giá đất để bồi thường cho bà O là đúng theo phương án bồi thường số 377/PAĐB ngày 04/11/1999 và văn bản số 5279/UB-ĐB ngày 16/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ có quy định: *"Khi có quyết định thu hồi đất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo lập Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng. Trường hợp cần thiết phải sớm giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án thì có thể thành lập Hội đồng đền bù trước khi có quyết định thu hồi đất"*. Do đó, Hội đồng đền bù của dự án đã tiến hành kiểm kê và hiệp thương đền bù trước khi Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất là phù hợp với quy định nêu trên.

[4.4] Việc bà O cho rằng UBND huyện Nhà Bè bồi thường đất cho bà còn bị thiếu trong dự án là 182,96 m^2 và phần đất ở 56,96 m^2 không được UBND huyện Nhà Bè bồi thường nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với phần đất bà O cho rằng bồi thường thiếu và phần đất ở nêu trên nên việc

UBND huyện Nhà Bè bồi thường cho bà O theo hiện trạng sử dụng là đất lúa, đất gò và đất bờ liếp là đúng quy định.

[5] Từ các phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị O, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp;

[6] Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm;

[7] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị O; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 500/2024/HC-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Nguyễn Thị O yêu cầu huỷ các quyết định sau đây:

- Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 22/03/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị O;

- Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 14/8/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về hỗ trợ bổ sung đối với bà Nguyễn Thị O;

- Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 01/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị O;

- Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Nguyễn Thị O;

3. Bà Nguyễn Thị O phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0041733 ngày 29/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát XXPT VKSNDTC tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TPQ (16b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công